

Bản án số: 103/2025/DS-ST  
Ngày: 22 - 4 - 2025  
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố  
tài sản, vay tài sản và thuê tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Bà Trương Thị Thu Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, vay tài sản và thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty SW; trụ sở chính: 128 Nguyễn Du, phường BT, thành phố V, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: Số 242, Quốc lộ 91, khóm VL, thị trấn CD, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT –  
Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1994; cư trú tại: Số 242, Quốc lộ 91, khóm VL, thị trấn CD, huyện C, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền số 78/2025/UQ-SVN ngày 01/3/2025). Có mặt

- Bị đơn: Bà Lý Thị Mỹ N, sinh năm 1986; cư trú tại: Số 252, tổ 12, ấp Bình Chiến, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2024 nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/10/2023, bà N ký Hợp đồng cầm cố số CPM231001005 NA21X (viết tắt Hợp đồng cầm cố) và giấy mượn xe cùng ngày 10/10/2023 với chi nhánh An Giang – An Phú 1 – Công ty SW (viết tắt Công ty). Tài sản cầm cố là xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX FI, biển kiểm soát 67D2-174.04, số khung RLHJA3852MY147270, số máy JA52E0338319, giấy chứng nhận đăng ký xe số 013898 do Công an huyện Châu Phú cấp ngày 03/3/2022. Số tiền bà N cầm cố cho Công ty là 5.732.500đ, thời hạn cầm cố 06 tháng, mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150%/tháng, phí quản lý hồ sơ cố định 0,5% số tiền cầm cố/tháng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% giá trị phần nghĩa vụ vi phạm. Việc cầm cố tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật tại Cục đăng ký Quốc Gia số đăng ký giao dịch 15287277849. Ngoài ra, bà N còn ký phụ lục hợp đồng ngày 10/10/2023 với Công ty để giao tài sản cầm cố cho Công ty quản lý và cho phép Công ty được quyền cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố. Do có nhu cầu sử dụng xe nên bà N ký với Công ty hợp đồng mượn xe mô tô nêu trên, thời gian mượn xe là 30 ngày kể từ ngày 10/10/2023 đến ngày 10/11/2023.

Sau khi ký hợp đồng cầm cố bà N chỉ trả cho Công ty tiền gốc 1.850.761đ, lãi trong hạn 116.018đ, phí mượn xe 332.486đ. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu bà N phải có nghĩa vụ trả cho Công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/6/2024 là 6.093.063đ (trong đó: Nợ gốc là 3.881.739đ, lãi trong hạn là 107.602đ, lãi quá hạn 850.000đ, phí quản lý hồ sơ cố định là 48.911đ, phí mượn xe 894.272đ, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 310.539đ). Đồng thời, tiếp tục tính lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký cho đến khi bà N thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đã thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn bà Lý Thị Mỹ N vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.*

*Tại phiên tòa,*

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:*

Công ty tự nguyện rút lại yêu cầu tính tiền lãi trong hạn 107.602đ, lãi quá hạn 850.000đ, phí quản lý hồ sơ cố định là 48.911đ, phí mượn xe 894.272đ, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 310.539đ. Công ty chỉ yêu cầu bà N trả lại nợ gốc là 3.881.739đ. Trường hợp bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tòa án tuyên Công ty được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đã thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:*

Công ty rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi trong hạn 107.602đ, lãi quá hạn 850.000đ, phí quản lý hồ sơ cố định là 48.911đ, phí mượn xe 894.272đ, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 310.539đ là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với các yêu cầu Công ty đã rút lại.

Công ty khởi kiện yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả nợ gốc 3.881.739đ và được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đã thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ khi bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền cầm cố còn nợ, tiền thuê tài sản và tiền lãi, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, hợp đồng cầm cố tài sản, vay tài sản và thuê tài sản. Bà N có nơi cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Xét văn bản ủy quyền của Công ty là phù hợp với quy định pháp luật và không có căn cứ thể hiện người được ủy quyền thuộc trường hợp không được tham gia ủy quyền. Vì vậy, việc ủy quyền của Công ty được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Bà Lý Thị Mỹ N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.4] Công ty cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, phiếu chi cùng đề ngày 10/10/2023 và văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hà Nội ngày 18/02/2024. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do Công ty cung cấp, không tham các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Công ty cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

## [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Công ty và bà N xác lập Hợp đồng cầm cố, hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê tài sản trên cơ sở tự nguyện, hình thức giao dịch bằng văn bản. Khi xác lập giao dịch các bên đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, nội dung và mục đích của giao dịch không trái quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 309, Điều 310, Điều 463 và Điều 472 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng đã ký giữa Công ty với bà N là phù hợp với quy định, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

[2.2] Tại phiên tòa đại diện Công ty rút lại yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí quản lý hồ sơ cố định, phí mượn xe, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xét việc rút lại yêu cầu của Công ty là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu nêu trên.

[2.3] Tại Hợp đồng cầm cố thể hiện số tiền bà N nhận của Công ty là 5.732.500đ, quá trình thực hiện hợp đồng bà N trả nợ gốc được 1.850.761đ, còn lại 3.881.739đ đến nay vẫn chưa thanh toán. Xét thấy, thời hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố là 06 tháng, mục đích cầm cố tài sản để đảm bảo cho khoản vay của bà N tuy nhiên đến nay đã quá thời gian thỏa thuận nhưng bà N không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ gốc 3.881.739đ là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét thấy, tài sản thế chấp là xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX FI, biển kiểm soát 67D2-174.04, số khung RLHJA3852MY147270, số

máy JA52E0338319, giấy chứng nhận đăng ký xe số 013898 do Công an huyện Châu Phú cấp ngày 03/3/2022 cho bà Lý Thị Mỹ N đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo văn bản chứng nhận của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 18/02/2024. Do đó, Công ty yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án khi bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 295, Điều 298 và Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của Công ty được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Công ty được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp. Bà N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 217, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 309, Điều 310, Điều 463 và Điều 472 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty SW đối với bà Lý Thị Mỹ N.

Buộc bà Lý Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả cho Công ty SW số tiền 3.881.739đ (ba triệu tám trăm tám mươi một nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bà Lý Thị Mỹ N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty SW được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo văn bản chứng nhận của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội theo ngày 18/02/2024 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty SW đối với bà Lý Thị Mỹ N về yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí quản lý hồ sơ cố định, phí mượn xe và phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

3. Về án phí dân sự:

Bà Lý Thị Mỹ N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty SW được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0009059 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Tuấn Trương Thị Thu Thủy**

**Trần Văn Quang**